

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 07 - 2021
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị S**, sinh năm 1986.

Cư trú tại: Ấp 3, xã T1, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Từ Văn T**, sinh năm 1979.

Cư trú tại: Ấp 3, xã T1, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.(xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị S trình bày, chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện cả hai đã ly thân khoảng 05 năm. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với anh T.

Ý kiến của anh T: Về điều kiện kết hôn đúng như chị S trình bày. Anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị S và anh T xác định có 02 con chung tên Từ Khả A, sinh ngày 27/5/2003 và Từ Đình K sinh ngày 09/8/2005. Hiện cháu A đã trưởng thành, còn cháu K đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục để cho anh T nuôi dưỡng cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh T: Về con chung đúng như chị S trình bày. Hiện cháu K đang ở với anh có cuộc sống ổn định và vẫn chăm sóc con theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Chị S và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S và anh T xác định không có.

Đối với Từ Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng anh T có ý kiến không tham gia xét xử.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Lê Thị S về việc xin ly hôn với anh Từ Văn T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh T là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp 3, xã T1, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, anh T có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị S và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Chị S xác định quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện cả hai đã ly thân khoảng 05 năm. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn, anh T không đồng ý cho rằng tình cảm vợ chồng còn, mong muốn cùng nuôi dạy con chung. Nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử đã có một khoảng thời gian, anh T chưa có giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng và thuyết phục chị S trở về sống chung gia đình. Theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên thì yêu cầu của chị S là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị S về việc xin ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị S và anh T xác định có 02 con chung tên Từ Khả A, sinh ngày 27/5/2003 và Từ Đình K sinh ngày 09/8/2005. Hiện cháu A đã trưởng thành, còn cháu K đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục để cho anh T nuôi dưỡng cháu K, anh T đồng ý. Theo nguyện vọng của cháu K cũng mong muốn cùng sống với anh T vì hiện tại cháu đang ở với anh T có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị S phù hợp nên chấp nhận tiếp tục giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị S và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị S và anh T xác định không có.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị S nộp theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị S về việc xin ly hôn với anh Từ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Từ Đình K sinh ngày 09/8/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện đang sống với anh T).

Chị S không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị S và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị S và anh T xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị S nộp 300.000đ. Vào ngày 05/5/2021, chị S đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0011627 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự Thới Bình;
- **UBND xã T1;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn